CÔNG TY CP CAO SU TÂN BIÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 162/NQ-HĐQTCSTB	*Tây Ninh, ngày 10 tháng 9 năm 2018*

NGHỊ QUYẾT
Hội đồng quản trị Công ty CP Cao su Tân Biên
Quý II/2018

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Quyết định số 118/QĐ-HĐQTCSTB ngày 25/6/2018 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động (sửa đổi, bổ sung) của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên;

Căn cứ Quyết định số 117/QĐ-HĐQTCSTB ngày 25/6/2018 của Hội đồng quản trị Công ty CP Cao su Tân Biên về việc ban hành Quy chế Nội bộ về quản trị Công ty (sửa đổi, bổ sung) của Công ty CP Cao su Tân Biên;

Căn cứ văn bản số 153/BB-HĐQTCSTB ngày 23/8/2018 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên (đã được các thành viên HĐQT cho ý kiến tán thành),

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất thông qua Báo cáo 759/BC-CSTB ngày 31/7/2018 của Tổng Giám đốc Công ty về tình hình thực hiện kế hoạch SXKD 6 tháng đầu năm và phương hướng, nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2018 của Công ty Cổ phần Cao su Tân Biên. Với kết quả một số nội dung chính như sau:

Tổng sản lượng cao su khai thác được **2.555,26** tấn cao su quy khô so với kế hoạch 7.400 tấn đạt **34,53%** kế hoạch năm.

Tổng sản lượng cao su chế biến được **2.807,179** tấn đạt **34,49%** kế hoạch năm (8.140 tấn).

Tổng sản lượng cao su tiêu thụ được **5.392,71** tấn cao su các loại, đạt **50,4 %** so với kế hoạch năm (10.700 tấn).

Kết quả kinh doanh:

	CHỈ TIÊU	Lũy kế 6 tháng đầu năm 2018
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	**193.142.321.615**
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	-
3	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	**193.142.321.615**
4	Giá vốn hàng bán	**172.070.778.010**
5	Lợi nhuận gọp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	**21.071.543.605**
6	Doanh thu hoạt động tài chính	3.666.480.670
7	Chi phí hoạt động tài chính	342.535.705

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU TÂN BIÊN
Ký ngày: 10/9/2018 14:27:09

	Trong đó: chi phí lãi vay	*153.546.942*
8	Chi phí bán hàng	1.855.695.477
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	15.463.880.108
10	Lợi nhuận thuần tư hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21-22) - (25+26)}	**7.075.912.985**
11	Thu nhập khác	212.210.966.014
12	Chi phí khác	3.242.617.301
13	Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	**208.968.348.713**
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	**216.044.261.698**
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	42.526.783.059
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	**173.517.478.639**

Điều 2. Thống nhất thông qua Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ (bán niên) 2018 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét.

Điều 3. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và các đơn vị liên quan triển khai thực hiện đúng nội dung Nghị quyết này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Lãnh đạo TĐ (để b/c);
- Ban KS Cty;
- CĐ Công ty;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

Trương Minh Trung